TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 366/2025/DS-PT
Ngày: 25 - 9 - 2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Duy Phương

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Huyền

Bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc*:* "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DSST ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện KP, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 321/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 316/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Lê N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn TL, xã PK, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1990, có mặt.

Địa chỉ: 08 đường A12 xã CE, phường BMT, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Phan Văn V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 111 HHT, phường BMT, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đào Ngọc M, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Luật sư Hoàng Gia An – Chi nhánh Buôn Ma Thuột, vắng mặt.

Địa chỉ: 80 HBT, phường BMT, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1989, có đơn xin xét xử vắng mặt

Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 20A ĐCT, xã KP, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Lê S, Luật sư Văn phòng Luật sư Lê S thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Địa chỉ: 200/20/5 Y W, tổ dân phố 5, phường EK, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông Nguyễn Viết Q, sinh năm 1960, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1990, có mặt.

Địa chỉ: 08 đường A12 xã CE, phường BMT, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Phan Văn V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 111 HHT, phường BMT, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Thu T nên bà Lê Lê N đã cho vợ chồng ông C, bà T vay tiền nhiều lần cụ thể:

Ngày 16/6/2019, ông C vay của bà N số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 16/7/2019. Ngày 26/3/2020, ông C, bà T vay của bà N số tiền là 70.000.000 đồng, thời hạn trả là 60 ngày, từ ngày 26/3/2020 đến ngày 26/5/2020. Ngày 28/3/2020, ông C, bà T vay của bà N số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 28/3/2020 đến ngày 28/4/2020. Ngày 21/5/2020 ông C vay của bà N số tiền là 59.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 21/5/2020 đến ngày 21/6/2020. Ngày 29/5/2020 ông C vay của bà N số tiền là 150.000.000 đồng, thời hạn trả là 30 ngày, từ ngày 29/5/2020 đến ngày 29/6/2020. Ngày 15/6/2020 ông C vay của bà N số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 15/6/2020 đến ngày 15/7/2020. Ngày 16/6/2020 ông C vay của bà N số tiền là 150.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 16/6/2020 đến ngày 16/7/2020. Ngày 18/6/2020 ông C vay của bà N số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 18/6/2020 đến ngày 18/7/2020. Ngày 21/6/2020 ông C vay của bà N số tiền là 30.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 21/6/2020 đến ngày 21/7/2021. Ngày 14/7/2020 ông C vay của bà N số tiền là 110.000.000 đồng, không nêu thời hạn trả. Ngày 16/7/2020 ông C vay của bà N số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 16/7/2020 đến ngày 16/8/2020.

Tổng cộng số tiền mà bà N đã cho vợ chồng ông C, bà T vay là 889.000.000 đồng (tám trăm tám mươi chín triệu đồng). Trong đó: ông C và bà

T cùng vay của bà N tổng số tiền là 170.000.000 đồng; Ông C trực tiếp vay của bà N tổng số tiền là 719.000.000 đồng.

Đến nay, quá thời hạn vay đã lâu, bà N đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông C, bà T trả tiền cho bà N nhưng ông bà không chịu trả. Do đó, bà N đã có đơn khởi kiện ông C, bà T đến Tòa án đề nghị Toà án giải quyết:

- Buộc ông Phạm Văn C phải hoàn trả cho bà Lê Lê N tổng số tiền là 1.068.367.945đ (một tỷ không trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 719.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 02/4/2025 là 349.367.945 đồng.

- Buộc vợ chồng ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Lê Lê N số tiền 255.317.809đ (hai trăm năm mươi lăm triệu ba trăm mười bảy nghìn tám trăm lẻ chín đồng) trong đó tiền gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 02/4/2025 là 85.317.809 đồng.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:**

Do cần tiền làm ăn nên ông C có liên hệ với bà N vay tiền nhiều lần cụ thể:

Ngày 16/6/2019 ông C có vay của bà N số tiền 50.000.000 đồng, khoản vay này ông C đã trả đủ cả tiền gốc và tiền lãi cho bà N, có giấy xác nhận của bà N. Ngày 26/3/2020 vay 70.000.000 đồng và ngày 28/3/2020 vay 100.000.000 đồng, có hợp đồng mượn tiền, ông C, bà T đã trả đủ cả gốc và lãi cho bà N. Việc trả tiền cho bà N được ông C trả dưới hình thức chuyển khoản, chuyển vào tài khoản số 6320637 mang tên bà Lê Lê N.

Với các khoản vay của ông C và bà N vào năm 2020 (ngày 21/5/2020 với số tiền 59.000.000 đồng, ngày 29/5/2020 với số tiền 150.000.000 đồng, ngày 15/6/2020 với số tiền 20.000.000 đồng, ngày 16/6/2020 với số tiền 150.000.000 đồng, ngày 18/6/2020 với số tiền 50.000.000 đồng, ngày 21/6/2020 với số tiền 30.000.000 đồng, ngày 14/7/2020 với số tiền 110.000.000 đồng, ngày 16/7/2020 với số tiền 100.000.000 đồng) thì vào ngày 21/9/2020 bà N yêu cầu ông C đến nhà bà N ký vào các hợp đồng mượn tiền đề ngày: 21/5/2020, 29/5/2020, 15/6/2020, 16/6/2020, 18/6/2020, 21/6/2020, 14/7/2020, 16/7/2020. Các khoản vay này được ông C ký cùng lúc, cùng thời điểm. Mục đích ký là để bà N cho vay tiếp chứ các khoản vay này cũng đều được bà N cho vay dưới hình thức chuyển khoản ngân hàng cho ông C.

Từ ngày 22/01/2020 đến ngày 24/5/2021 bà N đã chuyển khoản cho ông C tổng cộng là 45 lần, với tổng số tiền là 3.595.340.000 đồng. Ông C cũng đã chuyển khoản trả cho bà N với tổng số lần giao dịch là 121 lần, với tổng số tiền đã chuyển khoản là 5.052.798.000đồng.

Do đó, với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lê Lê N, thì ông C, bà T không đồng ý.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Q thì ông C không đồng ý. Vì theo sao kê ngân hàng ông C cung cấp thì tài khoản của ông C nhận 05 lần từ tài khoản của ông Q chuyển qua số tiền 790.000.000 đồng (do bà N thực hiện) và ông C đã chuyển đầy đủ đến tài khoản trả cho bà N, còn lại số tiền

190.000.000 đồng thì ngày 17/9/2020, tài khoản của ông C không nhận được và không phát sinh giao dịch này.

*** Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Vào các ngày từ 16/4/2020 đến ngày 17/9/2020 ông Q có chuyển khoản cho ông C qua số tài khoản 8158557 mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu, để nhờ ông C chuyển lại cho bà Lê Lê N, cụ thể: Ngày 16/4/2020 ông Q chuyển 150.000.000 đồng, ngày 04/6/2020 ông Q chuyển 150.000.000 đồng, ngày 16/6/2020 ông Q chuyển 190.000.000 đồng, ngày 10/7/2020 ông Q chuyển 100.000.000 đồng, ngày 06/8/2020 ông Q chuyển 200.000.000 đồng, ngày 17/9/2020 ông Q chuyển 190.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Q chuyển cho ông C là 980.000.000 đồng.

Đây là số tiền ông Q vay của Ngân hàng nhờ tài khoản ông C nhận giúp và nhờ ông C chuyển lại sang tài khoản của bà N. Tuy nhiên, ông C không chuyển lại cho bà N mà dùng vào việc trả nợ.

Do đó, ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn C phải hoàn trả cho ông Q toàn bộ số tiền 980.000.000 đồng. Ông Q không yêu cầu tính lãi suất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 201, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 184, Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự:

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Lê N đối với ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Thu T về việc:

Buộc ông Phạm Văn C phải hoàn trả cho bà Lê Lê N tổng số tiền là 1.068.367.945đ (một tỷ không trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 719.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 02/4/2025 là 349.367.945 đồng.

Buộc vợ chồng ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Lê Lê N số tiền 255.317.809đ (hai trăm năm mươi lăm triệu ba trăm mười bảy nghìn tám trăm lẻ chín đồng), trong đó tiền gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 02/4/2025 là 85.317.809 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Viết Q đối với ông Phạm Văn C về việc: Buộc ông Phạm Văn C phải hoàn trả cho ông Nguyễn Viết Q số tiền 980.000.000đ (chín trăm tám mươi triệu đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Lê N đối với số tiền lãi vượt 10%/năm của số tiền 889.000.000 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết

Q về lãi suất phát sinh là 10%/năm của số tiền 980.000.000 đồng ông Q chuyển cho ông C kể từ ngày ông C nhận tiền.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/4/2025 nguyên đơn bà Lê Lê N và ngày 13/4/2025 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Viết Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắctỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh Đ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày bổ sung:

Các giấy vay gốc đều có chữ ký, điểm chỉ của bị đơn, tại giấy vay ghi rõ số tiền, thời hạn trả thể hiện bị đơn có vay tiền của nguyên đơn bằng tiền mặt. Ông C khai đã trả đủ tiền cho bà N thông qua chuyển khoản nhưng tại các tin nhắn zalo do nguyên đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm thể hiện cùng thời kì ông C nhắn tin cho bà N thừa nhận còn nợ tiền, tiếp tục vay thêm và xin khất trả. Nếu đã trả hết tiền vì sao lại vay thêm và xác định còn nợ. Như vậy, có căn cứ để xác định số tiền ông C chuyển khoản cho bà N phần lớn là tiền lãi chứ chưa trả tiền gốc, lời khai của ông C là mâu thuẫn. Bản án sơ thẩm không đánh giá hết toàn bộ chứng cứ bao gồm cả tin nhắn, giấy vay mà chỉ dựa vào các sao kê bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Dương Lê S trình bày: Ông C đã cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh đã trả tiền đầy đủ cho nguyên đơn cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bản án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Lê N và ông Nguyễn Viết Q - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu

chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Lê N và ông Nguyễn Viết Q trong hạn luật định, bà N đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm, ông Q thuộc trường hợp được miễn án phí, kháng cáo của bà N, ông Q là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Lê Lê N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bà N có cho cá nhân ông C và cả vợ chồng ông C, bà T vay tổng số tiền 889.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 16/6/2019, ông C vay của bà N số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 16/7/2019.

- Ngày 26/3/2020, ông C, bà T vay của bà N số tiền là 70.000.000 đồng, thời hạn trả là 60 ngày, từ ngày 26/3/2020 đến ngày 26/5/2020.

- Ngày 28/3/2020, ông C, bà T vay của bà N số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 28/3/2020 đến ngày 28/4/2020.

- Ngày 21/5/2020 ông C vay của bà N số tiền là 59.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 21/5/2020 đến ngày 21/6/2020.

- Ngày 29/5/2020 ông C vay của bà N số tiền là 150.000.000 đồng, thời hạn trả là 30 ngày, từ ngày 29/5/2020 đến ngày 29/6/2020.

- Ngày 15/6/2020 ông C vay của bà N số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 15/6/2020 đến ngày 15/7/2020.

- Ngày 16/6/2020 ông C vay của bà N số tiền là 150.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 16/6/2020 đến ngày 16/7/2020.

- Ngày 18/6/2020 ông C vay của bà N số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 18/6/2020 đến ngày 18/7/2020.

- Ngày 21/6/2020 ông C vay của bà N số tiền là 30.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 21/6/2020 đến ngày 21/7/2021.

- Ngày 14/7/2020 ông C vay của bà N số tiền là 110.000.000 đồng, không nêu thời hạn trả.

- Ngày 16/7/2020 ông C vay của bà N số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 16/7/2020 đến ngày 16/8/2020.

Bà N cho rằng toàn bộ các khoản vay trên đều được giao trực tiếp bằng tiền mặt và bị đơn ký vào giấy vay thể hiện vay bằng tiền mặt.

Ông C thừa nhận vợ chồng ông ký vào các Hợp đồng mượn tiền theo như chứng cứ và N xuất trình. Tuy nhiên, thực tế là ông bà chỉ nhận tiền mặt đối với 03 giấy vay ngày 16/6/2019, ngày 26/3/2020, ngày 28/3/2020 với tổng số tiền 220.000.000 đồng, đối với 08 khoản vay còn lại bị đơn nhận tiền thông qua tài khoản của ông tại ngân hàng Á Châu chi nhánh Đắk Lắk – phòng giao dịch KP.

HĐXX xét thấy, tại chứng cứ là bản sao kê tài khoản ngân hàng của ông C thể hiện số tiền vay và thời gian chuyển khoản từ tài khoản của bà N qua ông

C với nội dung cho vay tiền là trùng khớp từ với số tiền và thời gian trong giấy vay tiền nên lời khai của bị đơn cho rằng nhận tiền vay từ bà N bằng hình thức chuyển khoản là có căn cứ.

[2.2] Bà N cho rằng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán 11 khoản tiền vay cho bà cả gốc lẫn lãi. Ông C cho rằng đã thanh toán hết số nợ cho bà N cả gốc và lãi.

HĐXX xét thấy, tại tài liệu chứng cứ sao kê tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch KP về giao dịch chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng của ông Phạm Văn C do ông đứng tên, tài khoản số 8158557 và tài khoản ngân hàng mang tên bà Lê Lê N, tài khoản số 6320637 được bà N mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu thể hiện từ ngày 22/01/2020 đến ngày 20/12/2021 các bên đã chuyển khoản qua lại với nhau như sau:

Từ ngày 22/01/2020 đến ngày 20/12/2021 bà N chuyển khoản cho ông C tổng cộng 45 lần, với tổng số tiền 3.595.340.000 đồng. Năm 2020 là 3.580.340.000 đồng (trong đó bà N nhờ ông C rút hộ là 252.000.000 đồng; bà N trả tiền mà bà mượn của ông C là 66.240.000 đồng; bà N chuyển khoản cho ông C vay là 3.277.100.000 đồng); năm 2021, bà N chuyển cho ông C vay 15.000.000 đồng). Ông C chuyển khoản lại cho bà N tổng cộng 121 lần, với tổng số tiền là 5.052.798.000 đồng (trong đó: Năm 2020, chuyển khoản tổng cộng là 4.517.198.000 đồng; Năm 2021 chuyển khoản tổng cộng là 535.600.000 đồng). Các khoản tiền ông C chuyển cho bà N bao gồm cả tiền ông Q nhờ ông C chuyển cho bà N. Cụ thể:

+ Nội dung chuyển khoản có ghi "lãi": tổng cộng là 21 lần, với tổng số tiền là 234.550.000 đồng (trong đó năm 2020 chuyển 16 lần với tổng số tiền là 190.550.000 đồng, năm 2021 chuyển 05 lần với tổng số tiền là 44.000.000 đồng);

+ Nội dung ghi "PHAM VAN CHIEN EM CHIEN": tổng cộng là 32 lần, với tổng số tiền là 969.380.000 đồng (trong đó năm 2020 chuyển 30 lần với tổng số tiền là 959.380.000 đồng, năm 2021 chuyển 02 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng);

+ Nội dung ghi "PHAM VAN CHIEN EM CHIEN TRA CHI NA": tổng cộng là 47 lần với tổng số tiền là 1.800.300.000 đồng (trong đó năm 2020 chuyển 09 lần với tổng số tiền là 1.333.700.000 đồng, năm 2021 chuyển 38 lần với tổng số tiền là 466.600.000 đồng);

+ Chuyển khoản ghi rõ từng nội dung mà ông C chuyển tiền cho bà N: tổng cộng là 21 lần, với tổng số tiền là 2.048.568.000 đồng (trong đó năm 2020 chuyển 20 lần với tổng số tiền là 2.033.568.000 đồng, năm 2021 chuyển 01 lần với số tiền là 15.000.000 đồng).

Như vậy, ông C đã cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh ông đã chuyển tiền cho bà N qua tài khoản dư so với số tiền bà N đã chuyển khoản cho ông C vay là bao gồm cả gốc và lãi. Đối với khoản tiền 50.000.000đồng mà ông C đã vay vào ngày 16/6/2019, ông C đã cung cấp giấy nhận tiền đề ngày 28/01/2020 thể hiện ông C đã trả tiền cho bà N, nguyên đơn cũng thừa nhận chữ

ký và chữ viết trong giấy này là của bà N nên có cơ sở xác định bị đơn đã thanh toán toàn bộ số nợ cho nguyên đơn.

Bà N kháng cáo cho rằng bị đơn chưa thanh toán tiền cho bà, khoản tiền ông C chuyển cho bà là những khoản giao dịch khác, người đại diện theo ủy quyền của bà N cho rằng các khoản ông C chuyển khoản phần lớn chỉ là trả lãi không phải trả gốc nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Viết Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại bảng kê giao dịch của ông Phạm Văn C thể hiện có 05 giao dịch ông Q chuyển tổng cộng cho ông C 790.000.000 đồng vào các ngày 16/4/2020, 04/6/2020, 16/6/2020, 10/7/2020, 06/8/2020 thì cùng ngày ông C đã chuyển khoản lại vào tài khoản cho bà N. Riêng đối với số tiền 190.000.000 đồng, theo sao kê của ngân hàng cung cấp thì ngày 17/9/2020, tài khoản của ông C không nhận được và không phát sinh giao dịch này. Do đó, có căn cứ để xác định sau khi ông Q chuyển tiền vào tài khoản của ông C nhờ chuyển khoản cho bà N thì ông C đã chuyển cho bà N đầy đủ. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu độc lập của ông Q là có căn cứ.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Lê Lê N và ông Nguyễn Viết Q, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, nay là Tòa án nhân dân khu vực 4.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Lê N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003185 ngày 25/4/2025 do ông Nguyễn Thanh Đ nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KP, nay là phòng Thi hành án khu vực 4.

Ông Nguyễn Viết Q được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Lê N và ông Nguyễn Viết Q – giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Lê N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003185 ngày 25/4/2025 do ông Nguyễn Thanh Đ nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KP, nay là phòng Thi hành án khu vực 4. Ông Nguyễn Viết Q được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 4;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

- Phòng THADS khu vực 4;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Duy Phương